

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/ 2018/HNGĐ - ST

Ngày: 06- 03- 2018

V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diện

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hưng

2. Ông Nguyễn Văn Trước

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: Bà Nguyễn Hồng Phần - Kiểm sát viên

Trong ngày 06 tháng 03 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 418/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2017 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27 /2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Văn P, sinh năm 1965

Địa chỉ cư trú: số 10A/19 ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1963

Địa chỉ cư trú: số 10A/19 ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 13/7/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Võ Văn P trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Đ trên cơ sở mai mối đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 1980, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2006 thì thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không còn hạnh phúc. Ông và bà Đ đã không còn sống chung với nhau từ năm 2007 đến nay. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ

Về con chung: Có 08 con chung tên Võ Phúc M, sinh năm 1982, Võ Ngọc H, sinh năm 1984, Võ Ngọc U, sinh năm 1986, Võ Phúc E, sinh năm 1988, Nguyễn Ngọc a, sinh năm 1991, Võ Trúc U, sinh năm 1999, Võ Phước D, sinh năm 2000 và Võ Phước T, sinh năm 2002. Các con hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu D và cháu T ông đồng ý giao cho bà Đ nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản hòa giải ngày 12/12/2017, 08/02/2018 và trong quá trình xét xử vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà thừa nhận lời trình bày của ông P là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông P tự ý bỏ nhà đi từ năm 2006, ông P không chung thủy và có hành vi bạo lực với bà và các con. Nay bà đồng ý ly hôn với ông Võ Văn P.

Về con chung: Có 08 con chung tên Võ Phúc M, sinh năm 1982, Võ Ngọc H, sinh năm 1984, Võ Ngọc U, sinh năm 1986, Võ Phúc E, sinh năm 1988, Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1991, Võ Trúc U, sinh năm 1999, Võ Phước D, sinh năm 2000 và Võ Phước T, sinh năm 2002. Khi ly hôn bà yêu cầu nuôi dưỡng cháu D và cháu T và yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con bằng số tiền mỗi cháu 1.500.000đ/tháng cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Riêng các con còn lại đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08/02/2018 Cháu Võ Phước D trình bày: Trường hợp cha, mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Nguyễn Thị Đ.

* Tại phiên toà hôm nay:

- Nguyên đơn ông Võ Văn P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra không cung cấp chứng cứ gì thêm.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ giữ nguyên ý kiến. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: bà yêu cầu ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D, và cháu T mỗi tháng 700.000đ/cháu cho đến khi hai cháu tròn 18 tuổi. Ngoài ra không cung cấp chứng cứ gì khác

- Cháu Võ Phước T trình bày trường hợp cha, mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ cháu là bà Nguyễn Thị Đ.

* Vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án áp dụng quy định tại các Điều 55, 81, 82, 83, 110 của Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 35/2000/ NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội hướng dẫn thi hành luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên: công nhận thuận tình ly hôn giữa ông P và bà Đ; về con chung: giao cháu D và cháu T cho bà Đ nuôi theo nguyện vọng của con, ông P cấp dưỡng mỗi cháu 700.000đ/tháng; về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra giải quyết; về án phí: ông P nộp 300.000đ án phí hôn nhân và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông P và bà Đ tuy không đăng ký kết hôn nhưng tiến đến hôn nhân vào năm 1980. Trường hợp này theo quy định tại mục 3 Nghị quyết số 35/2000/ NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội hướng dẫn thi hành luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được xem là hôn nhân hợp pháp.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của ông P: trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay giữa ông P yêu cầu ly hôn với bà Đ. Phía bà Đ cũng đồng ý ly hôn với ông P nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa ông P và bà Đ là có cơ sở.

[3] Về con chung: Có 08 con chung tên Võ Phúc M, sinh năm 1982, Võ Ngọc H, sinh năm 1984, Võ Ngọc U, sinh năm 1986, Võ Phúc E, sinh năm 1988, Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1991, Võ Trúc U, sinh năm 1999 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết

Xét bà Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D và cháu T là có cơ sở bởi: qua lời trình bày của bà Đ và cháu D cũng như cháu T thì từ lâu cháu D và cháu T đã sống cùng với bà Đ và được bà chăm sóc chu đáo về mọi mặt. Hơn nữa, cháu D và cháu T có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Nguyễn Thị Đ. Để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý của trẻ nên Hội đồng xét xử giao cháu D và cháu T cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: bà Đ yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000đ/cháu cho đến khi hai cháu tròn 18 tuổi. Xét yêu cầu của bà Đ là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; về nợ chung: đương sự khai không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: ông Võ Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, có trừ đi tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/ NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội hướng dẫn thi hành luật hôn nhân và gia đình năm 2000

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Võ Văn P và bà Nguyễn Thị Đ

2. Về con chung: giao cháu Võ Phước D, sinh năm 2000 và Võ Phước T, sinh năm 2002 cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Các con còn lại gồm: Võ Phúc M, sinh năm 1982, Võ Ngọc H, sinh năm 1984, Võ Ngọc U, sinh năm 1986, Võ Phúc E, sinh năm 1988, Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1991, Võ Trúc U, sinh năm 1999 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con: buộc ông Võ Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000đ/ cháu (bảy trăm ngàn đồng/cháu) cho đến khi cháu D, cháu T tròn 18 tuổi.

Ông P được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; về nợ chung: đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Buộc ông Võ Văn P nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0001028 ngày 23/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Số tiền án phí ông P còn phải nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên trực tiếp giải quyết theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Diện